TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà;
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị V;
2. Ông Đào Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2018/TLST -HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;
- Tên gọi khác: Không;
- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 07/12;
- Con ông: Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1954;
- Con bà: Trịnh Thị V, sinh năm 1957;
- Gia đình có bốn chị em, bị cáo là thứ hai;
- Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1982;
- Bị cáo có ba con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2015;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Nhân thân:

+ Tại bản án số 34/HSPT ngày 17/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 08/2012/HSPT ngày 06/01/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

**Bị hại:*

1. Ông Lưu Văn N, sinh năm 1967.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà A, đường S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1942

Địa chỉ: S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang
(vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976

Trú quán: Số nhà X, đường Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1955

Trú quán: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1976

Trú quán: Số nhà 32, đường Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, là lái xe thuê cho anh Nguyễn Văn V sinh năm 1976 trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B. Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 06/3/2018, T ngủ dậy đưa vợ là chị Nguyễn Thị V đi làm tại khu Công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày 06/3/2018, khi T quay về đến nhà thì gặp anh V đến bảo đi làm, T nói anh V cứ về trước, T sẽ sang sau. Lúc này, T nhìn sang nhà ông Lưu Văn N ở đối diện nhà T thì thấy gia đình ông N đi vắng, cổng và cửa chính đã khóa nhưng cửa lách bên trái không khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có ai để ý, T trèo qua tường rào vào sân rồi đi qua cửa lách vào tầng 1 nhà ông N. T tìm kiếm tài sản thì thấy có một chiếc két sắt để trong phòng ngủ tầng 1, cửa két sắt đã khóa nên T theo lối cũ đi ra ngoài để tìm công cụ phá két sắt. Ngay sau đó, T đi đến nhà bà Nguyễn Thị C, trú tại S xã Đ, thành phố B mượn 01 chiếc xà beng rồi đi về nhà lấy 01 con dao chặt dài khoảng 40 cm. Sau đó, T đi theo lối cũ vào nhà ông N. Sau khi vào nhà, T đi đến vị trí két sắt, dùng tay lật ngửa két sắt ra nền nhà. T dùng tay cầm xà beng thúc nhiều nhát vào vị trí khe hở giữa cánh cửa và khung cửa mặt bên phải của két sắt, dùng con dao chèn vào khe hở của két sắt và dùng xà beng bẩy nhiều lần làm cánh cửa két bật ra. T nhìn thấy trong két sắt có hai ngăn, ngăn ngoài có nhiều tập tiền loại mệnh giá 500.000 đồng, T lấy hết tiền đút vào túi áo khoác bên trái. Sau đó, T dùng xà beng chọc làm bung cửa ngăn nhỏ của két sắt và nhìn thấy

bên trong có nhiều nhẫn, dây chuyền vàng đựng trong túi vải, hộp nhựa, hộp giấy. T lấy hết số nhẫn, dây chuyền đút vào túi quần. Sau đó, T đi theo lối cũ ra ngoài về nhà cất dao, xà beng. T cho toàn bộ số vàng vào một túi nylon, hộp nhựa và túi vải T cho vào một túi nilon khác, còn số vàng trong hộp giấy thì Trường cất giấu trong người. Sau đó, T đi xe mô tô đến nhà bố mẹ là ông Nguyễn Ngọc P ở thôn C, xã Đ, thành phố B cất giấu hai túi nilon đựng vàng và túi vải, hộp nhựa phía sau tủ đựng quần áo trong phòng ngủ của ông Pha. Sau đó, T đi đến nhà anh V. Khi đến nơi, T vào kho hàng bốc hàng lên xe và cởi chiếc áo khoác bên trong có số tiền trộm cắp được lên đống thùng hàng. Bốc hàng xong, T lái xe cùng anh V đi đến địa bàn các huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang rồi đến huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giao hàng. Khi đến cửa hàng chị Lưu Thúy Nga, trú tại số nhà 03, đường Ba Đình, khu Na Đâu, thị trấn Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, T lấy toàn bộ số vàng trộm cắp được còn lại ra cất giấu vào vườn mía ở gần cửa hàng chị Nga. Sau đó, T lái xe cùng anh V về nhà.

Ngày 06/03/2018, ông Lưu Văn N có đơn trình báo công an thành phố B. Cùng ngày 06/3/2018, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả như sau:

Hiện trường vụ án được xác định tại nhà của gia đình ông Lưu Văn N. Nhà ông N được thiết kế hai tầng hình chữ L, cổng hướng Tây. Tầng một có hai phòng phía Bắc và phía Nam. Phòng phía Nam có cửa ra vào hướng Tây, kích thước 2,15 x 2,38m. Phòng có kích thước 8,5m x 4m có vách ngăn bằng nhôm- kính chia phòng thành hai phần. Tại vị trí cách tường Đông 01m, sát tường Nam có giường gỗ, kích thước 1,55m x 1,95m, trên giường có chăn, đồ đạc lộn xộn và 01 phim X-Quang. Tại vị trí cách tường Đông 1,9m, cách tường Nam 2,3m có két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp sơn màu xanh, kích thước 51,5cm x 36cm x 80cm nằm trên mặt sàn. Tại vị trí cạnh cửa két bên phải có vết hằn kim loại, kích thước 7,7cm x 4,5cm, xung quanh có vết bong tróc sơn kích thước 26cm x 04cm. Tại khung phía trên cánh có vết bong tróc sơn, kích thước 03cm x 02cm. Trên cánh cửa có vết mài sát kim loại hướng từ ngoài vào trong. Bên trong két có hai ngăn, ngăn trên có cánh cửa bằng kim loại kích thước 22cm x 14,3cm bật khỏi vị trí cố định, trong ngăn có 03 hộp kim loại màu hồng. Tại vị trí phía Tây két sắt có 01 thanh kim loại màu xanh dài 45cm, có mặt cắt hình vuông dài 01cm, thanh kim loại bị cong vênh, có vết bật mối hàn. Trên thanh kim loại có vết hằn kim loại, kích thước 4cm 1,6cm. Cơ quan điều tra thu giữ những đồ vật nêu trên.

Cùng ngày 06/3/2018, Cơ quan điều tra triệu tập làm việc và thu giữ của Nguyễn Văn T 01 chiếc xà beng, bằng kim loại, dài 01m, một đầu tù và một đầu dẹt.

Ngày 07/03/2018, Cơ quan điều tra thu 01 chiếc áo khoác nam, bên trong túi áo có tổng số tiền mặt là 40.000.000 đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng/tờ được xếp thành 04 tập riêng biệt, do anh V giao nộp; Thu 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây đính đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHI"; 01 nhẫn kim loại màu

vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHI"; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có chữ "999 T Vinh 1 CHI"; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt có hình hoa bị co bẹp tại vườn mía của gia đình chị Lưu Thúy Nga, sinh năm 1976, trú tại số 03, đường Ba Đình, khu Na Đâu, thị trấn Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 08/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu tại gia đình ông Nguyễn Ngọc P những vật chứng, gồm:

- Một túi ny lon màu hồng, bên trong có: 04 nhẫn tròn trơn, bằng kim loại màu vàng, tròng lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHI"; 02 đôi hoa tai hình tròn, bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt vuông, hai bên có chữ, mặt trên có ký hiệu "MLTTS 5"; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 2 CHI"; 03 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHI"; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình vuông, có ký hiệu "KLN"; 01 dây kim loại màu vàng, dạng dây lắc của nam dài 18,5cm; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, dạng dây chuyền nam dài 50cm; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, dạng dây chuyền nữ dài 60cm; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, dạng dây chuyền nữ dài 55cm;

- Một túi ny lon màu trắng, bên trong có: 02 túi vải hoa văn màu đỏ; 01 hộp nhựa màu đỏ hình tròn, đường kính 6,5cm, mặt trên có chữ "Vàng bạc đá quý", mặt dưới có chữ "Vạn tiên plastic"; 03 hộp nhựa màu đỏ hình tròn, đường kính 05cm, trên mặt có chữ mặt trên có chữ "Vàng bạc đá quý", mặt dưới có chữ "Vạn tiên plastic"; 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim mặt trên có chữ tượng hình màu vàng, mặt dưới có chữ "Vạn tiên plastic"; 03 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim mặt trên có chữ tượng hình màu vàng, kích thước mỗi hộp là 3,5cm.

Ngày 07/3/2018, Cơ quan điều tra tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T.

Tại kết luận giám định số 1290/C54 ngày 21/03/2018, Viện khoa học hình sự- Bộ công an kết luận: Chất màu ghi và chất màu xanh bám dính trên chiếc xà beng bằng kim loại gửi giám định là sơn, cùng loại với lớp sơn màu ghi và lớp sơn màu xanh trên mảnh sơn thu lượm tại chiếc két sắt tạm giữ khi khám nghiệm hiện trường.

Tại kết luận giám định số 1427/C54 (P4) ngày 21/3/2018 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHỈ" có khối lượng: 18,74 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,40%; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ" có khối lượng: 3,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,45 %; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ" có khối lượng: 3,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,46 %; 01 nhẫn kim loại màu vàng được chế tác có hình hoa có khối lượng: 1,86 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,68 %; 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác nhiều mắt xích nhỏ có mặt hình bông hoa

gắn đá màu trắng có khối lượng: 11,32 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,44 %; 04 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHỈ" có khối lượng: 75,01 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,45 %; 02 đôi (04 chiếc) khuyên tai hình tròn, bằng kim loại màu vàng được chế tác hình lá lúa có tổng khối lượng 15,14 gam; là vàng (AU) . hàm lượng AU trung bình 99,36%; 01 nhẫn kim loại màu vàng, được chế tác một mặt vuông có chữ, hai bên có hình rồng, mặt trên có ký hiệu "MLTTS 5" có khối lượng: 18,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,37 %; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn có dòng chứ "999 T Vinh 2 CHỈ" có khối lượng: 7,49 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,53 %; 01 nhẫn hình tròn màu vàng được chế tác một mặt hình vuông, có ký hiệu "KLN" có khối lượng 3,74 gam; là vàng (AU). Hàm lượng Au: 99,41%; 03 chiếc hình tròn trươn bằng kim loại màu vàng trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ", có tổng khối lượng 11,24 gam; là vàng (Au). Hàm lượng trung bình 99,58%; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, khối lượng 37,44 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,23%; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, có khối lượng 11,24 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,59%; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác mắt xích, khối lượng 11,20 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,47%; 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, có khối lượng 18,70 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,33%.

Tại kết luận định giá tài sản số 30/KL- HĐĐG ngày 16/04/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHỈ" có khối lượng: 18,74 gam; là vàng (Au). Hàm lượng: 99,40%. Tương đương 5 chỉ vàng, có giá trị là 18.000.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ" có khối lượng: 3,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng: 99,45 %. Tương đương 1 chỉ vàng, có giá trị là 3.600.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ" có khối lượng: 3,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng: 99,46 %. Tương đương 1 chỉ vàng, có giá trị là 3.600.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng được chế tác có hình hoa có khối lượng: 1,86 gam; là vàng (Au). Hàm lượng: 99,68 %. Tương đương 0,5 chỉ vàng, có giá trị là 1.800.000 đồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác nhiều mắt xích nhỏ có mặt hình bông hoa gắn đá màu trắng có khối lượng: 11,32 gam; là vàng (Au). Hàm lượng trung bình: 99,44 %. Tương đương 3 chỉ vàng, có giá trị là 10.800.000 đồng; 04 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn, trơn, trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 5 CHỈ" có khối lượng: 75,01 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,45 %. Tương đương 20 chỉ vàng, có giá trị là 72.000.000 đồng; 02 đôi (04 chiếc) khuyên tai hình tròn, bằng kim loại màu vàng được chế tác hình lá lúa có tổng khối lượng 15,14 gam; là vàng (AU) . hàm lượng AU trung bình 99,36%. Tương đương 4 chỉ vàng,

có giá trị là 14.400.000 đồng; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, được chế tác một mặt vuông trên đỉnh, hai bên có chữ, mặt trên có ký hiệu "MLTTS 5" có khối lượng: 18,75 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,37 %. Tương đương 5 chỉ vàng, có giá trị là 18.000.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn có dòng chứ "999 T Vinh 2 CHỈ" có khối lượng: 7,49 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,53 %. Tương đương 2 chỉ vàng, có giá trị là 7.200.000 đồng; 01 nhẫn hình tròn màu vàng được chế tác một mặt hình vuông, có ký hiệu "KLN" có khối lượng 3,74 gam; là vàng (AU). Hàm lượng Au: 99,41%. Tương đương 1 chỉ vàng, có giá trị là 3.600.000 đồng; 03 chiếc hình tròn trơn bằng kim loại màu vàng trong lòng nhẫn có dòng chữ "999 T Vinh 1 CHỈ", có tổng khối lượng 11,24 gam; là vàng (Au). Hàm lượng trung bình 99,58%. Tương đương 3 chỉ vàng, có giá trị là 10.800.000 đồng; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, khối lượng 37,44 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,23%. Tương đương 10 chỉ vàng, có giá trị là 36.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, có khối lượng 11,24 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,59%. Tương đương 3 chỉ vàng, có giá trị là 10.800.000 đồng; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác mắt xích, khối lượng 11,20 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,47%. Tương đương 3 chỉ vàng, có giá trị là 10.800.000 đồng; 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, có móc khóa hai đầu được chế tác bằng nhiều mắt xích, có khối lượng 18,70 gam; là vàng (Au). Hàm lượng Au trung bình: 99,33%. Tương đương 5 chỉ vàng, có giá trị là 18.000.000 đồng; 09 hộp nhựa, màu đỏ, loại vỏ hộp đựng vàng đã qua sử dụng, có giá trị 200.000 đồng; 02 túi vải màu đỏ, loại túi vải đựng vàng, đã qua sử dụng, có giá trị 60.000 đồng; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, có dòng chữ trên két là NAREV:KT5T/KOD:8416, đã qua sử dụng, có giá trị 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 239.660.000đồng.

Ngày 14/03/2018, Cơ quan điều tra thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Nguyễn Văn T thực hiện thuần thục các động tác phá két sắt trộm cắp tài sản như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngày 23/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Lưu Văn N toàn bộ số tài sản đã bị trộm cắp. Trong thời gian chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo bồi thường cho gia đình anh Nghiêm giá trị chiếc két sắt là 1.000.000đồng. Đến nay gia đình anh Nghiêm, chị Then không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 98/KSĐT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị hại là ông Lưu Văn N, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày như sau: Ông giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, gia đình ông không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị V có mặt tại phiên tòa và trình bày: Chị là vợ bị cáo T, chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98L5-9389 là của gia đình chị mua của người không quen biết, có viết giấy tờ nhưng chị không còn giữ. Nay cơ quan điều tra đã tách chiếc xe mô tô trên để giải quyết bằng vụ việc khác, chị không có ý kiến gì, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Bà giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Đề nghị trả lại cho bà chiếc xà beng bà đã choT mượn.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của người làm chứng vắng mặt là ông Nguyễn Ngọc P, ông Nguyễn Văn V, bà Trịnh Thị N, bị cáo có mặt không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 (bẩy) năm đến 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/3/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về vật chứng: Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) két sắt bằng kim loại, cánh cửa bị hỏng do ngoại lực tác động, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) con dao bằng kim loại đã qua sử dụng;

+ 01(một) chiếc áo khoác nam đã qua sử dụng.

- Trả lại bà Nguyễn Thị Cát: 01 (một) chiếc xà beng bằng kim loại dài 01m, một đầu tù và 01 đầu dẹt đã qua sử dụng.

- Đối với 01 (một) chiếc mô tô biển kiểm soát 98L5-9389, nhãn hiệu Future, sơn màu đỏ đen, số máy JC35E-0638134, số khung 0X7Y419734 đã qua sử dụng, thu giữ trong quá trình điều tra. Do chưa xác định được nguồn gốc nên ngày 20/5/2018 cơ quan cảnh sát điều tra đã Quyết định tách chiếc xe ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Buổi sáng ngày 06/03/2018, Nguyễn Văn T có hành vi đột nhập vào nhà, dùng xà beng, dao cậy phá két sắt trộm cắp của gia đình ông Lưu Văn N, sinh năm 1967 trú tại thôn C, xã Đ, thành phố B số tài sản bao gồm: 14 chiếc nhẫn tương đương 38,5 chỉ vàng; 04 dây chuyền tương đương 19 chỉ vàng; 02 đôi khuyên tai tương đương 04 chỉ vàng; 01 lắc đeo tay tương đương 05 chỉ vàng; 09 hộp nhựa đựng vàng màu đỏ, trị giá 200.000 đồng; 02 túi vải đựng vàng, trị giá 60.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng tiền Việt Nam. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T trộm cắp là 279.660.000 đồng. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, Biên bản khám xét khẩn cấp, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản ngày 16/4/2018 đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi một cách liều lĩnh, giữa ban ngày, lén lút vào nhà bị hại, phá két chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo:

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bị cáo đã hai lần bị đưa ra xét xử về hình sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải có hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và trước phiên toà hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho gia

đình bị hại, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Ngọc P là thương binh hạng 3/4 . Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại bị hại là ông N, bà Then toàn bộ tài sản bị trộm cắp, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông N giá trị chiếc két. Đến nay, bị hại là ông N, bà Then không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9]. Đối với chiếc mô tô biển kiểm soát 98L5-9389, nhãn hiệu Future, sơn màu đỏ đen, số máy JC35E-0638134, số khung 0X7Y419734 đã qua sử dụng, thu giữ trong quá trình điều tra. Do chưa xác định được nguồn gốc nên ngày 20/5/2018 cơ quan cảnh sát điều tra đã Quyết định tách chiếc xe ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, làm rõ.

[10]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Những công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và những tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) két sắt bằng kim loại, cánh cửa bị hỏng do ngoại lực tác động, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) con dao bằng kim loại đã qua sử dụng;

+ 01(một) chiếc áo khoác nam đã qua sử dụng.

- Trả lại bà Nguyễn Thị C: 01 (một) chiếc xà beng bằng kim loại dài 01m, một đầu tù và 01 đầu dẹt đã qua sử dụng là tài sản của bà Cát cho bị cáo mượn, bà Cát không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/3/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) két sắt bằng kim loại, cánh cửa bị hỏng do ngoại lực tác động, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) con dao bằng kim loại đã qua sử dụng;

+ 01(một) chiếc áo khoác nam đã qua sử dụng.

- Trả lại bà Nguyễn Thị C: 01 (một) chiếc xà beng bằng kim loại dài 01m, một đầu tù và 01 đầu dẹt đã qua sử dụng.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Quyết định chuyển vật chứng số 85/QĐ- VKS ngày 19/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B).

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CQ THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Hà